|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX QUẢNG YÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /PH CL- THCS THĐ | *Quảng Yên, ngày 24 tháng 9 năm 2015* |

**PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG**

**VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO**

**GIAI ĐOẠN 2015–2020**

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đoạn 2015-2020 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các nghị quyết của Hội đồng trường, các đoàn thể và toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai chiến lược của trường THCS Trần Hưng Đạo là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết của chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông. Cùng các trường xây dựng ngành giáo dục thị xã Quảng Yên phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 BCH Trung ương Đảng khóa XI về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”;*

Căn cứ thông tư số 12/2011/TT-BGD ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của bộ trưởng bộ GD&ĐT ban hành điều lệ trường trung học có sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quy chế Công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/QĐ-BGDĐT, ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ vào kế hoạch phát triển của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên;

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương phường Quảng Yên.

**A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Phường Quảng Yên là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của Thị xã Quảng Yên, cách trung tâm thành phố Hạ Long 40km về phía đông, với dân số là 14.904 nhân khẩu, 4.504 hộ, diện tích 542,52 ha, đất nông nghiệp 189,35 ha. Phường Quảng Yên được chia làm 16 khu, phần lớn dân cư trên địa bàn phường là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ nghỉ hưu, mất sức, phần còn lại làm nghề nông nghiệp, dịch vụ và nuôi trồng thủy sản.

Trường THCS Trần Hưng Đạo nằm trên thửa đất số 1A đường Nguyễn Thái Học thuộc khu 3, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích 5.722,9 m2.

Trường được thành lập từ năm 1923 lúc đó trường mang tên là trường tiểu học Quảng Yên thuộc Tỉnh lỵ Quảng Yên. Đến năm 1949 trường có bậc trung học và được mang tên là trường trung học Trần Quốc Tuấn.Từ năm 1958 đến năm 1961 trường mang tên là trường cấp II Quảng Yên thuộc thị xã Quảng Yên - Khu Hồng Quảng. Từ năm 1962 đến năm 1968 trường mang tên là trường cấp II - III Quảng Yên. Năm 1969 tách cấp III, trường mang tên là trường cấp II Quảng Yên, đến năm 1975 trường là trường cấp I - II Quảng Yên, năm 1983 trường mang tên là trường PTCS Trần Hưng Đạo. Năm 1991 tách cấp I ra khỏi cấp II trường mang tên là trường THCS Trần Hưng Đạo từ đó đến nay. Năm 2007 trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia THCS

+ Năm 1962 trường được thưởng huân chương lao động hạng ba.

+Năm 1997 trường được tặng bằng khen của công đoàn giáo dục Việt Nam:

***"Có nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn nhiệm kỳ 1992 - 1997"*** được thưởng nhiều bằng khen của hội chữ thập đỏ Việt Nam.

+ Năm học 2001- 2002 trường đạt danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh được thủ tướng chính phủ tặng bằng khen ***“Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 1999 đến năm 2001 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc****”* Bộ giáo dục và đào tạo tặng bằng khen, Hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng bằng khen, TW Đoàn TNCSHCM tặng bằng khen.

+ Với truyền thống và thành tích đã đạt được từ năm 2001 đến nay trường luôn duy trì thành tích cao về mọi mặt.

Nhà trường được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2008-2013 vào năm học 2007-2008 theo quyết định số 2984/QĐ UBND Tỉnh Quảng Ninh ngày 20 tháng 8 năm 2008; nhà trường được công nhận trường chuẩn quốc gia giai đoạn II 2014-2019 theo quyết định số 1773/QĐ UBND Tỉnh Quảng Ninh vào ngày 13 tháng 8 năm 2014; trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo quyết định số 1476/QĐ-SGDĐT Tỉnh Quảng Ninh vào ngày 6 tháng 7 năm 2015 của đoàn đánh giá ngoài và được cấp giấy chứng nhận theo quyết định số 1818/QĐ-SGDĐT Tỉnh Quảng Ninh vào ngày 28 tháng 8 năm 2015

Trên 65 năm xây dựng và phát triển nhà trường luôn được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh, thị xã, ngành giáo dục, ban đại diện cha mẹ học sinh, đơn vị kết nghĩa hỗ trợ chăm lo xây dựng về đội ngũ, đầu tư về cơ sở vật chất xây mới, mua sắm trang thiết bị cho trường. Do đó trong những năm qua nhà trường luôn giữ vững truyền thống "Dạy tốt - Học tốt", nhiều năm liên tục trường được công nhận là trường tiên tiến xuất sắc cấp thị xã, cấp tỉnh, trường được các cấp, các ngành ghi nhận biểu dương thành tích và tặng nhiều giấy khen, huân chương. Nhà trường luôn phấn đấu là cơ sở giáo dục lành mạnh, chất lượng lad địa chỉ đáng tin cậy của Đảng, chính quyền, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương và trong khu vực.

**I. Môi trường bên trong**

**1. Điểm mạnh.**

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường: 44; Trong đó: BGH: 2, giáo viên: 27, nhân viên: 07.

- Trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn, trong đó có 13 cán bộ, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

- Công tác tổ chức quản lý của BGH: Có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Chất lượng học sinh:

a) - Tổng số học sinh toàn trường: 391em

Trong đó: Lớp 6: 3 lớp - 113 học sinh

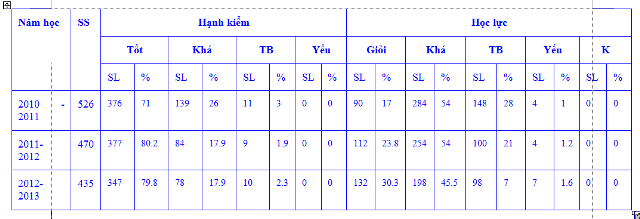
Lớp 7: 3 lớp - 106 học sinh

Lớp 8: 3 lớp - 87 học sinh

Lớp 9: 3 lớp - 105 học sinh

Hầu hết các em có lực học từ Trung bình Khá, còn 1- 1,5% học sinh có học lực yếu. Học sinh khá và giỏi phần lớn đã về học tại THCS Lê Quý Đôn trường trọng điểm chất lượng cao của Thị xã.

Chất lượng giáo dục toàn diện của trường trong những năm gần đây:

  
  
Đánh giá chung: Chất lượng giáo dục toàn diện học sinh ổn định, năm sau cao hơn năm trước.

**2. Điểm hạn chế.**

***2.1.******Tổ chức quản lý của Ban Giám hiệu:***

- Cán bộ quản lí mới được bổ nhiệm nên kinh nghiệm còn hạn chế.

- Chưa tham mưu với các cấp lãnh đạo để tuyển chọn được nhiều giáo viên, cán bộ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm cao.

- Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên, chưa thực chất.

***2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên:*** Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu giảng dạy hoặc quản lý, giáo dục học sinh. Thậm chí có giáo viên trình độ chuyên môn hạn chế, không tự học, bảo thủ, sự tín nhiệm của học sinh và đồng nghiệp thấp.

Mặc dù đủ biên chế, nhưng cơ cấu đội ngũ không đồng đều, đội ngũ trẻ nên một số giáo viên kinh nghiệm giảng dạy còn ít.

Giáo viên đi làm xa nhà, đường đi khó khăn ảnh hưởng tới tư tưởng công tác.

***2.3. Chất lượng học sinh:*** 30% học sinh có học lực TB yếu, chất lượng HS đầu cấp thấp, đa số con em nông thôn điều kiện gia đình còn khó khăn, ít quan tâm đến giáo dục nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập. Những gia đình có điều kiện kinh tế tốt, những học sinh học giỏi thường chọn học trái tuyến tại các trường trung tâm thị xã .

***2.4. Cơ sở vật chất:*** Chưa đồng bộ, đồ dùng dạy học đã cũ hỏng nhiều, phương tiện dạy học hầu như không có.…

**II. Môi trường bên ngoài**

**2.1 Cơ hội**:

Có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự đồng thuận cao của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, có sự tín nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh ở địa phương.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, tốt.

Nhu cầu giáo dục chất lượng cao ngày càng tăng.

**2. 2 Thách thức:**

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập. Còn nhiều học sinh theo học trái tuyến tại các phường trung tâm của thị xã.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp và chương trình trong giai đoạn mới.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**II. CÁC VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC**

**Các vấn đề ưu tiên giải quyết**

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy – học và công tác quản lý.

- Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

**B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC**

**I. Sứ mệnh:** Tạo dựng môi trường thân thiện, lành mạnh, giúp học sinh tích cực học tập, tu dưỡng để phát triển toàn diện, biết định hướng tương lai và làm chủ trong mọi tình huống.

**II. Tầm nhìn:** Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để trò ham thích học tập rèn luyện, thầy hăng say khát khao cống hiến để phát triển nghề nghiệp.

**III. Giá trị cốt lõi:**

“Đoàn kết – Dân chủ – Trung thực – Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm”

**IV. Phương châm hành động:**

***“Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”***

**C. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.**

**I. Mục tiêu chung.**

***Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.***

**II. Chỉ tiêu**:

***1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên.***

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.

- Giáo viên nam dưới 55 tuổi, nữ dưới 50 tuổi sử dụng thành thạo máy tính.

- Số tiết dạy sử dụng công nghệ thông tin trên 50% .

- 100 % cán bộ giáo viên đạt chuẩn

***2. Học sinh***

2.1. Qui mô:

- Lớp học: 14 lớp.

- Học sinh: từ 500 đến 560 học sinh.

2.2. Chất lượng học tập:

**- Đối với cấp THCS :**

+ Trên 80% học lực khá, giỏi (20% học lực giỏi)

+ Tỷ lệ học sinh có học lực yếu < 1% không có học sinh kém.

+ Xét tốt nghiệp THCS: 100%.

+ Giữ vững thành tích thể dục thể thao. (Tập trung vào các môn có thế mạnh như điền kinh, việt dã của thị xã).

+ Thi học sinh giỏi cấp tỉnh: 8 giải trở lên.

+ Thi HS giỏi cấp thị xã: 40 giải trở lên

- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống.

+ Chất lượng đạo đức: 98% hạnh kiểm khá, tốt trở lên.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hóa, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

**III. Mục tiêu cụ thể**:

**3.1. Số lớp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017 -2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Khối lớp 6 | 4 | 3 | 3 | 4 | 4 |
| Khối lớp 7 | 4 | 4 | 3 | 3 | 4 |
| Khối lớp 8 | 3 | 4 | 4 | 3 | 3 |
| Khối lớp 9 | 3 | 3 | 4 | 4 | 3 |
| **Cộng** | 14 | 14 | 14 | 14 | 14 |

**3.2. Số phòng học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Tiêu chí** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017 -2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Tổng số | 14 | 14 | 14 | 14 | 14 |
| Phòng học kiên cố | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 |
| Phòng học bán kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Phòng học tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**3.3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

***3.3.1. Cán bộ quản lý:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức vụ** | Năm học  2015-2016 | Năm học  2016-2017 | Năm học  2017-2018 | Năm học  2018-2019 | Năm học  2019-2020 |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |

***3.3.2. Giáo viên***

- Số lượng, cơ cấu:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nộ dung** | Năm học  2015-2016 | Năm học  2016-2017 | Năm học  2017-2018 | Năm học  2018-2019 | Năm học  2019-2020 |
| Số lượng | 27 | 30 | 28 | 28 | 28 |
| Cơ cấu |  |  |  |  |  |
| * Toán, Lý, CNg, Tin | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| * Văn, Sử, GDCD | 8 | 9 | 8 | 9 | 9 |
| * Ngoại ngữ | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| * Sinh, Hoá, Địa | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| * Thể dục | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 |
| * Âm nhạc | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 |
| * Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |

- Về trình độ chuyên môn:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ** | Năm học  2015-2016 | Năm học  2016-2017 | Năm học  2017-2018 | Năm học  2018-2019 | Năm học  2019-2020 |
| Đạt chuẩn | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Trên chuẩn | 50% | 55% | 60% | 60% | 60% |

- Về chất lượng giáo viên:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Danh hiệu** | Năm học  2015-2016 | Năm học  2016-2017 | Năm học  2017-2018 | Năm học  2018-2019 | Năm học  2019-2020 |
| GVDG  cấp trường | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% |
| GVDG  cấp thị xã | *Không tổ chức* | 12 | *Không tổ chức* | 12 | *Không tổ chức* |
| GVDG  cấp tỉnh | *Không tổ chức* | *Không tổ chức* | *Không tổ chức* | *Không tổ chức* | *Không tổ chức* |

***3.3.4. Nhân viên :***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | Năm học  2015-2016 | Năm học  2016-2017 | Năm học  2017-2018 | Năm học  2018-2019 | Năm học  2019-2020 |
| Số lượng | **4** | **4** | **4** | **3** | **3** |
| ***Cơ cấu:*** |  |  |  |  |  |
| - Kế toán, Y tế | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 |
| - Văn thư - TQ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| - Thư viện-TB | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |

**3.4. Học sinh:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017 -2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Tổng số | 477 | 455 | 479 | 510 | 517 |
| *- Khối lớp 6* | 135 | 97 | 120 | 159 | 145 |
| *- Khối lớp 7* | 136 | 138 | 94 | 121 | 158 |
| *- Khối lớp 8* | 100 | 126 | 139 | 90 | 125 |
| *- Khối lớp 9* | 106 | 94 | 126 | 140 | 89 |
| Nữ | 255 | 216 | 223 | 233 | 243 |
| Dân tộc | 0 | 0 | 1 | 3 | 2 |
| Khuyết tật | 2 | 2 | 4 | 5 | 6 |
| Tuyển mới | 133 | 97 | 120 | 160 | 145 |
| Lưu ban | 0 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| Bỏ học | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 |
| Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| bình quân học sinh /lớp | 34,07 | 32,5 | 34,21 | 36,6 | 36,93 |
| đi học đúng độ tuổi | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| *- Nữ* | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 100% | 100% | 100% |
| Tổng số học sinh tốt nghiệp | 106 | 94 | 126 | 140 | 89 |
| *- Nữ* | 55 | 49 | 59 | 63 | 44 |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| Tổng số học sinh giỏi cấp thị xã | 119 | 108 | 70 | 43 | 20 |
| Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh | 22 | 29 | 5 | 14 | 5 |
| chuyển cấp | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |

**3.5. Chất lượng 2 mặt giáo dục:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017 -2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | 104(21,8%) | 102(22,4%) | 112(23,4%) | 99(19,4%) | 109(21,1%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại khá | 242(50,7%) | 208(45,7%) | 233(48,7%) | 267(52,4%) | 245(48%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại Trung bình | 120(25,2%) | 140(30,8%) | 130(27,1%) | 143(28%) | 155(30%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 11(2,3%) | 5(1,1%) | 4(0,8%) | 1(0,2%) | 5(1%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 396(83%) | 403(88,6%) | 427(89,2%) | 426(83,5%) | 461(89,2%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 67(14,1%) | 47(10,3%) | 47(9,8%) | 74(14,5%) | 42(8,1%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 11(2,3%) | 4(0,9%) | 5(1,0%) | 10(2%) | 14(2,7%) |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Yếu | 3(0,6%) | 1(0,2%) | 0(0%) | 0(0%) | 0(0%) |  |

***3.6. Cơ sở vật chất***

- Đến năm 2017 :

+ Phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ được sửa chữa nâng cấp, trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.

+ Các phòng bộ môn, phòng học tin được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại.

- Đến năm 2019 :

+ Xây dựng và hoàn thiện nhà vệ sinh mới cho giáo viên và học sinh

- Đến năm 2020:

+ Trang bị các phòng học đảm bảo theo mô hình trường học thông minh, CSVC lớp học đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình đổi mới giáo dục.

+ Xây dựng môi trường sư phạm đảm bảo các tiêu chí “Xanh - Sạch - Đẹp- An toàn”.

**4. Khẩu hiệu và phương châm hành động:**

***- Khẩu hiệu***: ***THCS Trần Hưng Đạo - Niềm tin của mọi thế hệ học sinh***.

***- Phương châm hành động***: ***“Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”***

**D. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Tuyên truyền trong CBGV và học sinh về nội dung kế hoạch chiến lược trên mọi phương tiện thông tin, lấy ý kiến để thống nhất nhận thức và hành động của tất cả các cán bộ, nhân viên trong trường theo các nội dung của Kế hoạch chiến lược. Phát huy truyền thống đoàn kết của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, quyết tâm thực hiện được các mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

Xây dựng Văn hoá Nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi đã nêu ở trên.

Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, gắn kết có hiệu quả giữa nhà trường với với gia đình và xã hội.

**1. Xây dựng quy mô trường, lớp**

Quán triệt sâu sắc và đẩy mạnh thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình hành động của các cấp chính quyền và của phòng GD&ĐT về thực hiện phổ cập giáo dục. Củng cố, duy trì chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Phối hợp với các trường THCS, các trường Tiểu học, Mầm non trên địa bàn xã làm tốt công tác điều tra, thống kê, báo cáo và hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục hàng năm đúng thời gian quy định.

Thực hiện huy động học sinh ra lớp: Xây dựng và thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh lớp 6 cấp THCS theo đúng Quy chế. Huy 100% học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể tuyên truyền vận động học sinh trong độ tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đến lớp

Duy trì sĩ số học sinh: Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn cùng với Tổng phụ trách thường xuyên quản lý sĩ số học sinh trong lớp, phối hợp với CMHS quản lý học sinh hàng ngày.

**2. Xây dựng và phát triển đội ngũ.**

Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng CBGV phù hợp với yêu cầu giảng dạy, công tác.

Thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền chủ động cho các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong trường.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ tin học cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực; đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giáo viên theo hướng sử dụng tốt đội ngũ hiện có, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động của cán bộ giáo viên thông qua các tiêu chí về hiệu quả, đóng góp cụ thể của cán bộ giáo viên đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó sẽ đề bạt, khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ giáo viên, nhân viên có thành tích xuất sắc.

Tạo môi trường làm việc năng động, thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi cán bộ giáo viên, nhân viên đều tự hào, muốn cống hiến và gắn kết với nhà trường.

Chú trọng bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học và ngoại ngữ, đổi mới chỉ đạo sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.

Thực hiện việc rà soát trình độ chuyên môn của đội ngũ ngay từ đầu năm học, báo cáo với Phòng GD&ĐT để bố trí sắp xếp để đảm bảo về số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên cho các môn học. Thực hiện phân công nhiệm vụ cho giáo viên trên cơ sở căn cứ vào năng lực chuyên môn và chuẩn đào tạo. Tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ trên chuẩn.

**3. Đầu tư cơ sở vật chất**

Tăng cường đầu tư, nâng cấp CSVC trường lớp, các thiết bị nâng cao điều kiện học tập cho học sinh, điều kiện làm việc cho giáo viên.

Đầu tư các phòng học bộ môn, khu làm việc của giáo viên, khu vui chơi thể dục thể thao của học sinh …

Tiếp tục đầu tư máy tính và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng mạng thông tin quản lý giữa giáo viên, các tổ chuyên môn với nhà trường liên thông qua hệ thống nối mạng Internet.

Đảm bảo có đủ phòng học, bàn ghế, sân chơi, bãi tập, thiết bị thí nghiệm cơ bản phục vụ cho dạy và học.

Bảo quản tốt cơ sở vật chất hiện có, tiếp tục mua sắm trang thiết bị phục vụ cho dạy và học.

Bổ sung cơ sở vật chất, số đầu sách cho thư viện, đẩy mạnh hoạt động của thư viện và đi vào hoạt động có hiệu quả.

Làm tốt công tác tham mưu với các cấp sửa chữa, bổ sung phòng học. Phối kết hợp với các lực lượng giáo dục, làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

**4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**

***4.1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học***

Đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Giáo viên thực hiện đổi mới từ khâu soạn bài, áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với đặc trưng bộ môn nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện khả năng tự học và vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh theo tinh thần; tích cực vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo chủ đề trong các môn học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kĩ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau.

Chú trọng dạy phân hóa đối tượng học sinh, thực hiện xây dựng kế hoạch bài học gắn với đối tượng cụ thể, thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học đáp ứng mục tiêu học tập của học sinh. Giáo viên chú trọng sử dụng hợp lý sách giáo khoa khi giảng bài trên lớp, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức.

Đổi mới hình thức tổ chức dạy học: Trong thiết kế và thực hiện bài dạy, cùng với việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, giáo viên cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường và cộng đồng. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và tích cực tham gia Cuộc thi khoa học kĩ thuật các cấp

Khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động góp phần phát triển phẩm chất và năng lực học sinh như: Thí nghiệm-thực hành; ngày hội công nghệ thông tin; ngày hội khoa học-công nghệ... trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh.

Giáo viên chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Trong giảng dạy các bộ môn văn hóa, giáo viên thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa.

***4.2. Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá***

Đánh giá thực trạng để định hướng điều chỉnh hoạt động của học sinh, tạo cơ hội cho học sinh phát triển kỹ năng tự đánh giá, giúp học sinh nhận ra sự tiến bộ của mình, khuyến khích động viên việc học tập.Giúp cho giáo viên có cơ sở thực tế để nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu của mình, tự hoàn thiện hoạt động dạy, phấn đấu không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

Mỗi giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch đổi mới kiểm tra đánh giá của cá nhân phù hợp với đối tượng học sinh và đặc trưng của môn học. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video…) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng "Trường học kết nối" về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

***4.3. Chú trọng giáo dục đạo đức học sinh***

Thực hiện tích hợp và tổ chức các hoạt động ngoại khóa về giáo dục đạo đức. Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa sang hướng hoạt động trải nghiệm sáng tạo gắn với thực tế của địa phương.

Đặc biệt quan tâm đối với học sinh đầu cấp, nhằm giúp học sinh làm quen với chương trình, điều kiện học tập, sinh hoạt và tiếp cận phương pháp dạy học và giáo dục trong nhà trường. Luyện tập duy trì nề nếp làm vệ sinh buổi sáng, tập thể dục và sinh hoạt tập thể giữa giờ để tạo môi trường học tập gần gũi, thân thiện đối với học sinh. Tăng cường hoạt động “Tư vấn học đường”.

Thực hiện giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh: theo Thông tư số 04/2014/TT BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT. Tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống trong các môn học. Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh cần quan tâm đến: Kỹ năng phòng tránh TNTT, khả năng làm chủ bản thân, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, …

Thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh: Triển khai công tác giáo dục an toàn giao thông, thực hiện giáo dục phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm và tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh đối với học sinh thông qua lồng ghép giảng dạy các bộ môn văn hóa và hoạt động NGLL.

Quản lý, ngăn chặn kịp thời và giải quyết triệt để mâu thuẫn của học sinh dẫn đến đánh nhau gây mất trật tự và ảnh hưởng đến thân thể, tính mạng học sinh, trật tự an ninh trong trường học. Tăng cường các biện pháp phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội.

Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức, pháp luật thông qua hoạt động công tác chủ nhiệm lớp

Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” gắn với các phong trào thi đua của trường, của lớp như: Xây dựng lớp học xanh, sạch, đẹp.

***4.4. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục***

- Nguồn nhân lực: Huy động các tổ chức, cá nhân đặc biệt là Cha mẹ học sinh tích cực tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường như:

+ Phối hợp với công an xã hỗ trợ nhà trường bảo vệ an ninh trật tự, kết hợp giáo dục học sinh cá biệt.

+ Các đơn vị thôn phối hợp với nhà trường trong việc quản lý học sinh ở địa phương, thực hiện công tác phổ cập giáo dục.

+ CMHS phối hợp chặt chẽ với GVCN, với nhà trường tổ chức tuyên truyền công tác giáo dục, hỗ trợ nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện, quản lý học sinh và xây dựng môi trường giáo dục.

- Nguồn lực tài chính: Sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước; Phối hợp quản lý sử dụng các nguồn thu dịch vụ, nguồn xã hội hóa đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính, ưu tiên đầu tư, nâng cấp các điều kiện làm việc của giáo viên và học tập của học sinh.

- Nguồn lực vật chất: Khai thác, sử dụng và bảo quản hiệu quả CSVC, trang thiết bị đồ dùng dạy học.

**5. Chương trình truyền thông**

- Khai thác có hiệu quả website của trường, phát huy hiệu quả chương trình tuyên truyền thông qua tiết chào cờ và các hoạt động ngoại khóa, NGLL. Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường tới nhân dân; chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh…

- Khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và ngành.

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của nhà trường đối với xã hội. Lấy chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng học sinh giỏi và chất lượng tuyển sinh vào lớp 10 THPT là uy tín, danh dự của nhà trường.

- Phát huy truyền thống Nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường.

**E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phổ biến kế hoạch chiến lược**

Kế hoạch chiến lược được báo cáo tới cơ quan chủ quản, tới lãnh đạo Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương; phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh, CMHS nhà trường và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

**2. Tổ chức**

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược, gồm các thành viên đại diện cấp ủy chi bộ, Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Tổng phụ trách đội, Bí thư đoàn, đại diện thanh tra nhân dân và đại diện cha mẹ học sinh.

Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai và thực hiện kế hoạch chiến lược. Đánh giá, sơ kết, điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

**3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược**

- Giai đoạn 1: Từ năm 2015 - 2018

- Giai đoạn 2: Từ năm 2018 - 2020

**4. Phân công trách nhiệm**

***4.1. Đối với Hiệu trưởng***

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của toàn trường và thực hiện kế hoạch chiến lược của toàn trường theo từng giai đoạn phát triển.

***4.2. Đối với Phó hiệu trưởng***

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

***4.3. Đối với tổ trưởng chuyên môn***

Tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Xây dựng kế hoạch thực hiện của tổ nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, tác động, thời gian thực hiện, các nguồn lực thực hiện, người chịu trách nhiệm.

Tổ chức và phân công thực hiện hợp lý cho các bộ phận, cá nhân phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn.

***4.4. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên***

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học.

Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học.

Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

***4.5. Đối với học sinh:***

Không ngừng phấn đấu học tập, tích cực tham gia hoạt động để sau khi tốt nghiệp THCS có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu xã hội, tiếp tục học trung học phổ thông hoặc học nghề.

Ra sức rèn luyện đạo đức, rèn luyện kĩ năng sống để trở thành những công dân tốt.

***4.6. Các tổ chức đoàn thể trong trường***

Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong vấn đề thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, tham mưu, góp ý với nhà trường điều chỉnh, bổ sung những nội dung phù hợp để có thể thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

***4.7. Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Cùng với nhà trường tuyên truyền vận động các cha mẹ học sinh thực hiện một số mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục học sinh.

Chiến lược xây dựng và phát triển nhằm định hướng cho quá trình xây dựng và phát triển nhà trường trong thời gian 5 năm tới, giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Chiến lược cũng thể hiện sự quyết tâm của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường trong việc xây dựng nhà trường luôn xứng đáng với niềm tin của nhân dân, học sinh đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT (phê duyệt);  - UBND phường (b/c);  - Ban Giám hiệu (t/h);  - Tổ trưởng các tổ chuyên môn;  - Trang Web trường (TT);  - Lưu VT ./. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Bình An** |